TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2021.
V/v: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Tấn Thanh.
2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 619/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1117/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1170/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị Lệ T, sinh năm 1992.
HKTT: Tổ 14, ấp T1, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.
Tạm trú: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
- **Bị đơn**: Anh Đặng Ngọc P1, sinh năm 1992.
HKTT: Ấp 3, xã A, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: Ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T, anh P1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, văn bản ý kiến và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn – chị Lê Thị Lệ T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Ngọc P1 kết hôn, chung sống với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc ở

ấp 2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tháng 9 năm 2019, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T về chung sống cùng cha mẹ ruột gần nhà ở của hai vợ chồng chị T, anh P1. Trước đây, vào tháng 02 năm 2020, chị có nộp đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh P1 và được TAND huyện Nhơn Trạch giải quyết tại Quyết định đình chỉ số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020 do chị T rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng mục đích không đạt được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, anh Đặng Ngọc P1 không có mặt tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến nộp Tòa án.

* Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ HKTT của chị T; Giấy chứng nhận kết hôn; Quyết định đình chỉ số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020 của TAND huyện Nhơn Trạch; Bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án; Biên bản xác minh của Công an và UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch*: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào các điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T ly hôn với anh P1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn-chị Lê Thị Lệ T và bị đơn – anh Đặng Ngọc P1, nhưng chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh P1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T, anh P1.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015, quyển số 01/2015 ngày 25/3/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Hơn nữa, trước đây vào tháng 02 năm 2020, chị T có nộp đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh P1 và được TAND huyện Nhơn Trạch giải quyết tại Quyết định đình chỉ số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020 do chị T rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng sau đó mục đích xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc không đạt được.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị T, anh P1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh P1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, anh P1 không có ý kiến trong suốt quá trình tố tụng nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lệ T về "*Ly hôn*" đối với anh Đặng Ngọc P1, xử cho chị T được ly hôn anh P1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000896 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, chị T đã nộp đủ xong.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND h. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;
- UBND xã Đ-C, tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hường